

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 28/01/2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Bà Vũ Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phùng Xuân T, sinh năm 1991; (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 11, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phùng Xuân T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, hay tranh cãi và dẫn đến không tôn trọng nhau. Khoảng cuối năm 2011, ông Đ đã bỏ nhà đi, bà đã nhiều lần tìm cách liên lạc nhưng không được, bản thân ông Đ cũng không liên lạc gì với gia đình. Bà đã tìm kiếm và hỏi thăm gia đình, bạn bè nhưng không có tin tức gì về ông Đ. Tháng 9/2016, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện

Vĩnh Cửu tuyên bố ông Nguyễn Thành Đ mất tích và được Tòa án giải quyết theo Quyết định số: 11/2016/QĐDS-ST ngày 15/9/2016 tuyên bố ông Đ mất tích. Quyết định tuyên bố mất tích đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên cho đến nay ông Đ vẫn không trở về địa phương và bà cũng không biết tin tức của ông Đ. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Phùng Quỳnh M, sinh ngày 09/01/2009. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án:* Theo Quyết định số: 11/2016/QĐDS-ST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên bố ông Nguyễn Thành Đ mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Đ do không thể thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp cho ông Đ.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án đã giải quyết và ra quyết định tuyên bố một người mất tích đối với ông Nguyễn Thành Đ nên việc Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Xuân T, cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ; giao cháu Nguyễn Phùng Quỳnh M, sinh ngày 09/01/2009 cho bà T nuôi dưỡng, tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung do bị đơn ông Đ vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Thành Đ, nơi cư trú cuối cùng của ông Đ tại tổ 11, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên bố mất tích nên không thể tham gia phiên tòa được. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Phùng Xuân T kết hôn với ông Nguyễn Thành Đ và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 09/6/2009; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà T, ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên ông Đ đã bỏ nhà đi từ năm 2011 cho đến nay và không liên lạc với gia đình. Bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích theo Quyết định số: 11/2016/QĐDS-ST ngày 15/9/2016. Quyết định tuyên bố mất tích đã có hiệu lực pháp luật nhưng cho đến nay ông Đ vẫn không trở về địa phương sinh sống và bà T cũng không biết tin tức của ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà T và ông Đ không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cháu Nguyễn Phùng Quỳnh M, sinh ngày 09/01/2009 hiện đang sống cùng bà T và có nguyện vọng ở với mẹ, do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do bà T không yêu cầu nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng; vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt, còn bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phùng Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Xuân T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Xuân T được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phùng Quỳnh M, sinh ngày 09/01/2009 cho bà Phùng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt, còn bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phùng Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003270 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn